

b) Tại Việt Nam: Bộ Nội vụ (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) hoặc Sở Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thuận tiện nhất cho đương sự.

Điều 5.-

1. Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm:

- Hướng dẫn thủ tục và tiếp nhận hồ sơ của người xin hồi hương; trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ phải gửi hồ sơ kèm theo ý kiến nhận xét, đề xuất về Bộ Nội vụ (Cục Quản lý xuất nhập cảnh).

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Nội vụ về kết quả việc xem xét hồ sơ (cho phép hồi hương hoặc lý do không cho phép hồi hương) phải báo cho đương sự kết quả đó.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải gửi hồ sơ kèm theo ý kiến nhận xét, đề xuất về Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

3. Bộ Nội vụ (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nhận ở trong nước hay do cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài chuyển về), phải hoàn thành việc xem xét và thông báo cho Bộ Ngoại giao (Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài) và cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc thân nhân của người xin hồi hương (nếu nộp hồ sơ tại Việt Nam) biết kết quả (cho phép hồi hương hoặc lý do không được hồi hương).

Điều 6.- Căn cứ thông báo cho phép hồi hương của Bộ Nội vụ, cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy thông hành hồi hương cho đương sự nhập cảnh Việt Nam. Giấy thông hành hồi hương có giá trị nhập cảnh trong 12 tháng kể từ ngày cấp và không được gia hạn.

Bộ Nội vụ ban hành mẫu giấy thông hành hồi hương.

Điều 7.-

1. Người xin hồi hương phải nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ một khoản lệ phí hồi hương theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Người được phép hồi hương khi về nước được mang về Việt Nam ngoại tệ và tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Người được phép hồi hương khi về Việt Nam, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh, phải xuất trình các giấy tờ tùy thân với công an tỉnh, thành phố nơi cư trú để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú, và xin cấp giấy chứng minh nhân dân.

4. Người hồi hương đã đăng ký thường trú tại Việt Nam, được hưởng mọi quyền và có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ của công dân Việt Nam.

Điều 8.- Bộ Tài chính quy định việc thu nộp, sử dụng lệ phí hồi hương sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao.

Điều 9.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1997 và thay thế Quyết định số 59-TTg ngày 4-2-1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định này không áp dụng đối với những người Việt Nam đã ra nước ngoài nhưng không được nước ngoài cho phép cư trú hoặc bị trục xuất.

Điều 10.- Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ có liên quan.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 876-TTg ngày 21-11-1996 về việc phê duyệt Dự án lâm nghiệp xã hội và bảo tồn thiên nhiên Khu Pù Mát, tỉnh Nghệ An (do EU tài trợ).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 2732-NN/HTQT/CV ngày 14-8-1996); và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 5664-BKH/VPTĐ ngày 31-10-1996),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Dự án lâm nghiệp xã hội và bảo tồn thiên nhiên Khu Pù Mát, tỉnh Nghệ An gồm các nội dung sau đây:

1. **Tên Dự án:** Lâm nghiệp xã hội và bảo tồn thiên nhiên Khu Pù Mát, tỉnh Nghệ An, mã hiệu của Dự án là ALA/94/24.

2. **Địa bàn thực hiện Dự án và đối tượng hưởng lợi:**

Vùng Dự án nằm trên địa bàn 3 huyện (Con Cuông, Tương Dương, Anh Sơn) bao gồm trên 90.000 ha rừng nguyên sinh và trên 100.000 ha vùng đệm nằm ở phía hữu ngạn sông Cả, trong đó có 12.000 ha rừng sản xuất, 16.000 ha rừng đầu nguồn và khoảng trên 60.000 ha đất trồng có cây bụi, trồng cỏ, phần còn lại là đất thổ cư.

Đối tượng hưởng lợi: gồm trên 8.000 hộ gia đình nông dân, với khoảng 45.000 người, trong đó dân tộc Thái chiếm 62%, dân tộc Kinh chiếm 34%, còn lại là các dân tộc ít người khác. Đặc biệt Dự án hỗ trợ cho trên 120 hộ gia đình thuộc dân tộc Đan Lai là các hộ gia đình đặc biệt khó khăn.

3. **Mục tiêu của Dự án:** Đặt khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát trong một chương trình quản lý bảo tồn thích hợp, để bảo tồn bền vững 90.000 ha rừng nguyên sinh, tạo thế bền vững về môi trường sinh thái của vùng Bắc Khu 4 (cũ) và hòa đồng vào môi trường sinh thái chung của cả nước. Thông qua các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình trên khu vực 100.000 ha vùng đệm, khai thác tiềm năng thế mạnh của khí hậu nhiệt đới, chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy, hướng dẫn nhân dân vùng đệm tham gia quản lý tài nguyên rừng và phục hồi, sử dụng đất đai lâu bền, phát triển các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản và chăn nuôi đại gia súc, theo hướng sản xuất nông lâm kết hợp để tạo ra sản phẩm hàng hóa, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân trong vùng.

4. **Nội dung hoạt động và các giải pháp chủ yếu:**

- Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, trên cơ sở hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng sản xuất hàng hóa;

- Dịch vụ phổ cập khuyến nông, khuyến lâm;

- Cải tạo nâng cấp đường giao thông, chủ yếu là đường từ huyện đến xã, cụm xã;

- Hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình;

- Tái định cư các bản của đồng bào dân tộc Đan Lai;

- Tổ chức quản lý, bảo vệ và xây dựng khu bảo tồn (xây dựng khu văn phòng làm việc, trang bị phương tiện làm việc, lập hệ thống các trạm gác bảo vệ rừng...);

- Hỗ trợ các lâm trường quốc doanh chuyển đổi sang cơ chế quản lý mới;

- Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo của cán bộ các cấp huyện, xã, thôn, bản, đồng thời đóng góp vào cải tiến chính sách, tổ chức và luật pháp về lâm nghiệp.

5. **Nguồn vốn của Dự án:** Nguồn vốn do EU viện trợ không hoàn lại 17,5 triệu ECU. Vốn đối ứng trong nước 1,944 triệu ECU (tương đương 28.451 triệu đồng Việt Nam, trong đó vốn đóng góp của dân 11.022 triệu đồng, vốn ngân sách cấp 17.429 triệu đồng).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan chi tiết hóa phân vốn trong Hiệp định tài chính của dự án viện trợ không hoàn lại của EU và nguồn vốn đối ứng trong nước phù hợp với mục tiêu hạng mục đầu tư để đảm bảo thực hiện đúng và có hiệu quả những mục tiêu Dự án đã đề ra.

Điều 2.- Về tổ chức thực hiện Dự án:

1. **Thời gian thực thi Dự án:** 6 năm, từ năm 1996 đến năm 2.001,

2. **Cơ quan tài trợ:** Liên minh Châu Âu (EU),

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là **chủ quản đầu tư của Dự án,**

4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là **Chủ đầu tư Dự án.**

5. **Thành lập Ban Điều hành Dự án:**

- Ở Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì có sự tham gia của đại diện tỉnh Nghệ An và các cơ quan tổng hợp của Chính phủ.

- Ở cấp tỉnh, do đại diện lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban và đại diện của các Sở, Ủy ban Nhân dân các huyện có liên quan là thành viên. Các hoạt động tác nghiệp dựa vào hệ thống lâm trường, kiểm lâm, khuyến nông hiện có trong vùng Dự án, có sự tăng cường hỗ trợ kinh phí của cả hai phía để chỉ đạo triển khai những nội dung của Dự án trên địa bàn của các huyện Con Cuông, Tương Dương, Anh Sơn đảm bảo tiến độ và có hiệu quả cao.

Điều 3.- Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 877-TTg ngày 22-11-1996 về quản lý việc thu các chương trình truyền hình của nước ngoài.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Nhằm tăng cường quản lý việc thu và sử dụng các chương trình truyền hình của nước ngoài, phân định rõ chức năng, trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Các đối tượng sau đây tại Việt Nam được phép sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh (TVRO) để thu các chương trình truyền hình của nước ngoài:

1. Các đối tượng trong nước:

a) Cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước từ cấp Thứ trưởng, Phó Trưởng Ban trở lên.

b) Cán bộ lãnh đạo cấp trưởng và phó các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương; các Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Các đơn vị chức năng của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các cơ quan chuyên

môn của Đảng và Nhà nước ở Trung ương, của các Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhu cầu phục vụ nhiệm vụ theo đề nghị của lãnh đạo các cơ quan trên.

d) Tòa soạn của các báo hàng ngày; các báo đối ngoại Trung ương, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; các báo của các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương.

d) Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; các Đài truyền hình, phát thanh khu vực trực thuộc các Đài quốc gia; các Đài truyền hình, phát thanh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

e) Các khách sạn được Tổng cục Du lịch xếp hạng từ 2 sao trở lên.

2. Các đối tượng nước ngoài:

a) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự.

b) Cơ quan đại diện tổ chức quốc tế, liên Chính phủ.

c) Cơ quan đại diện tổ chức phi Chính phủ, tổ chức kinh tế, tổ chức tư vấn nước ngoài.

d) Trụ sở các công ty, xí nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài; trụ sở các tổ chức kinh tế, văn hóa, du lịch Việt Nam liên doanh với nước ngoài có chuyên gia, nhân viên nước ngoài làm việc.

d) Văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài.

Điều 2.- Tất cả các đối tượng dùng TVRO để thu các chương trình truyền hình của nước ngoài chỉ được sử dụng các chương trình này trong phạm vi đã đăng ký trong giấy phép được cơ quan quản lý Nhà nước cấp.

Điều 3.- Các đối tượng sau đây tại Việt Nam được phép sử dụng hệ thống truyền hình vi-ba nhiều kênh (MMDS) truyền hình qua cáp của Đài Truyền hình Việt Nam để thu các chương trình truyền hình của nước ngoài:

1. Các đối tượng nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

3. Các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân, các tòa soạn báo chí của Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Các cán bộ nghiên cứu có nhu cầu theo đề nghị của Bộ, Ban, đoàn thể, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các khách sạn, nhà khách theo đề nghị của Tổng cục hoặc các Sở Du lịch.